TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2017/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 04 tháng 4 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017, giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Lê Thị U, sinh năm: 1976.

Trú quán: Thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bị đơn: Ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1972.

Trú quán: Thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng R, Chi nhánh huyện H.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 38, Điều 55, Điều 58, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Bà Lê Thị U, sinh năm: 1976 và ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1972.

Đều trú quán: Thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị U và ông Phạm Hữu T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông Phạm Hữu T, bà Lê Thị U có hai con chung, cháu Phạm Thị Mỹ K, sinh ngày: 15/01/1996, cháu K đã trưởng thành nên cháu muốn ở với cha hoặc mẹ là tùy ý của cháu.

Bà U tiếp tục nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Kiều O, sinh ngày 06/6/2000. Ông T chưa cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Giao cho bà Lê Thị U được nhận sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4, trị giá 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và diện tích đất 230m2, trị giá đất 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tại thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 01, xã Q; địa chỉ nhà và thửa đất đều tại: Thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Về nợ chung: Vợ chồng ông T, bà U nợ Ngân hàng R, Chi nhánh huyện H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số nợ này bà U đã trả nợ xong cho Ngân hàng vào ngày 20/3/2017.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí Hôn nhân-Gia đình: Bà Lê Thị U tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí dân sự về chia tài sản chung: Bà U đồng ý nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Bà U được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí **5.300.000đ** (Năm triệu ba trăm nghìn đồng), bà U đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: **AA/011687** ngày **15/3/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà U được hoàn số tiền chênh lệch sau khi được khấu trừ là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKS nhân dân huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- UBND nơi cư trú của đ sự;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Thi Thơ